

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN: BIỆN PHÁP LỒNG GHÉP KỸ NĂNG MỀM HIỆU QUẢ VÀ PHÙ HỢP XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

Dương Ngọc Vân Khanh¹

PROMOTING STUDENTS'S SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES: SOLUTIONS FOR IMPROVING EFFICIENCY AND APPROPRIATENESS OF INTEGRATING SOFT SKILLS FOR MODERN EDUCATION DEVELOPMENT

Duong Ngoc Van Khanh¹

Tóm tắt – Trong thời đại phát triển, các công ty, doanh nghiệp yêu cầu đối với sinh viên ra trường phải đáp ứng về kỹ năng chuyên môn lẫn kỹ năng nghiên cứu, thích ứng công việc và kỹ năng mềm. Tuy nhiên, phần lớn sinh viên ra trường chỉ đáp ứng được về kỹ năng chuyên môn, trong khi đó kỹ năng mềm, kỹ năng nghiên cứu lại chậm thích ứng, khiến doanh nghiệp phải đào tạo lại. Để khắc phục những khó khăn đó, tham luận tập trung phân tích tầm quan trọng và thực trạng nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất những giải pháp nâng cao nghiên cứu khoa học trong sinh viên để lồng ghép rèn luyện kỹ năng mềm một cách thực tiễn, hiệu quả và phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục trong thời đại mới.

Từ khóa: kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Trà Vinh.

Abstract – In the era of development, companies and businesses require graduates have to meet specialized skill as well as research skill, job adaptability and soft skills. However, most graduated students only meet specialized

skill, while soft skills and research skills are slow to adapt, this leads to the re-training after the businesses recruitment. To overcome these difficulties, the article focused on analyzing the importance and reality of scientific research of Tra Vinh University students. On that basis, the author proposed solutions for improving scientific research in students in order to integrate soft skills training in a practical, effective and consistent with the educational development trend in the new age.

Keywords: Specialized skills, soft skills, scientific research, Tra Vinh University.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời đại công nghiệp, mọi lĩnh vực trong xã hội phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ. Các công ty, doanh nghiệp cũng phải theo kịp sự phát triển của nền kinh tế thị trường nên cần nguồn nhân lực đáp ứng tốt và nhanh các yêu cầu tuyển dụng cũng như thực tiễn xã hội yêu cầu [1].

Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các cơ sở giáo dục đại học là phải có chiến lược đào tạo SV sao cho có thể rèn luyện được những kỹ năng cần thiết để khi tốt nghiệp ra trường có thể đáp ứng ngay yêu cầu của người sử dụng lao động nói riêng và đáp ứng yêu cầu xã hội nói chung. Trong đó, yêu cầu của nhà tuyển dụng tập trung vào ba vấn đề

¹Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Trà Vinh
Email: vankhanh@tvu.edu.vn

¹School of Engineering and Technology, Tra Vinh University

chính là kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và sự thích ứng chuyên môn công việc càng nhanh càng tốt [2].

Để đạt được điều này, Trường Đại học Trà Vinh đã từng bước thực hiện thông qua việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên, sau đó tiến tới nâng cao khả năng NCKH trong sinh viên (SV). Trong những năm qua, hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên đã có những thành tích, đóng góp quý báu cho Nhà trường, địa phương và đang từng bước phát triển một cách mạnh mẽ. Tuy nhiên, việc NCKH trong SV chỉ mới là những bước khởi đầu trong Nhà trường. Phần lớn SV vẫn còn xa lạ và thờ ơ với việc tham gia NCKH, điều này dẫn đến việc SV thiếu các kỹ năng nghiên cứu, không đào sâu được kiến thức chuyên môn và yêu cầu thực tiễn xã hội cũng như không có điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm liên quan trực tiếp chuyên môn.

Chính vì vậy, tham luận tập trung phân tích tầm quan trọng của việc NCKH trong SV và thực trạng tại Trường Đại học Trà Vinh. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất những giải pháp nâng cao NCKH trong SV để lồng ghép rèn luyện kỹ năng mềm một cách thực tiễn, hiệu quả và phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục trong thời đại mới.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

A. Tầm quan trọng của hoạt động NCKH đối với sinh viên và nhà trường

Công tác NCKH giúp tạo ra công nghệ giải pháp và sản phẩm mới, góp phần hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu, kỹ năng mềm và sự thích ứng công nghệ cho SV, giảng viên, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường [3].

1) *Đối với sinh viên*: - Hoạt động NCKH giúp SV mở rộng kiến thức chuyên môn. SV được tham gia học tập, tiếp thu vốn kiến thức từ chương trình đào tạo, tài liệu, giáo trình và hướng dẫn của giảng viên chỉ là một phần rất nhỏ trong quá trình lĩnh hội kiến thức vô cùng rộng lớn và khó có thể cập nhật những kiến thức mới, không theo sát thực tiễn. Do đó, để thúc đẩy quá trình học tập, nghiên cứu sâu về chuyên ngành, SV còn phải đào sâu kiến thức chuyên môn thông qua

hoạt động NCKH. Khi tham gia hoạt động này, SV sẽ phải đọc, phải tìm tòi cái mới, phải giải thích, phân tích, chứng minh vấn đề đặt ra. Từ đó, tư duy giải quyết vấn đề sẽ được mở rộng giúp cho trình độ nhận thức và chuyên môn của SV ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của người học.

- NCKH giúp SV đào sâu kiến thức chuyên môn. SV sẽ có điều kiện phát huy khả năng phân tích, đánh giá, kết hợp với những điều mới để giải quyết vấn đề quan tâm.

- NCKH giúp SV cải thiện kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành, có kinh nghiệm trong việc tìm tài liệu, đọc tài liệu chuyên ngành, cách thức trích dẫn tài liệu, tổng hợp phân tích báo cáo cũng như viết báo cáo tiếng Anh. Những kinh nghiệm này sẽ là nền tảng cho SV tiếp cận nguồn tri thức thế giới, xin học bổng của trường đại học nước ngoài hoặc nâng cao trình độ.

- NCKH giúp SV phát triển các mối quan hệ hiệu quả. Các hoạt động xuyên suốt của quá trình NCKH từ khi tiến hành thuyết minh đề tài đến báo cáo nghiệm thu đều cần sự giao tiếp, cộng tác với cán bộ, giảng viên giúp các bạn thêm tự tin trong giao tiếp. Đồng thời, quá trình triển khai nghiên cứu sẽ cần sự cộng tác, phối hợp chuyên môn nên sẽ thúc đẩy quá trình rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và tư duy phản biện giúp ích cho công việc thực tiễn trong tương lai.

- Ngoài ra, quá trình thuyết minh, báo cáo cũng giúp SV rèn luyện kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình trước hội đồng chuyên môn. Những kinh nghiệm này thực sự bổ ích cho SV tiếp cận nghề nghiệp thực tiễn khi đi làm hoặc nâng cao trình độ học vấn.

- Quá trình NCKH đòi hỏi sự quản lý nhiều nguồn, từ trang thiết bị đến tài liệu, thông tin và nguồn nhân lực phục vụ đề tài. Ngoài ra, việc thực hiện đề tài cũng cần đảm bảo tiến độ và hiệu quả công việc. Chính vì vậy, SV sẽ được rèn luyện tư duy hệ thống, kỹ năng quản lý nguồn tài nguyên, quản lý thời gian lẫn quản lý sự căng thẳng. Đây chính là điều hữu ích nhất đối với các SV khi ra trường tiếp cận dự án thực tiễn.

Tóm lại, quá trình NCKH sẽ giúp SV rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp lẫn kỹ năng

mềm cũng như phát triển các mối quan hệ. Trong đó, đầu tiên là SV sẽ được rèn luyện phương thức vận dụng kiến thức chuyên môn và tư duy phản biện vào thực tiễn nghiên cứu để giải quyết vấn đề. Song song, trong suốt các giai đoạn nghiên cứu từ lúc nảy sinh ý tưởng, triển khai rồi nghiệm thu đề tài, SV còn được rèn luyện rất nhiều kĩ năng nghề nghiệp lồng ghép cùng kĩ năng mềm như quản trị nguồn tài nguyên; tìm kiếm, tổng hợp, sử dụng thông tin, tài liệu; tư duy hệ thống và vận dụng công nghệ, phần mềm, trang thiết bị. Ngoài ra, SV còn có điều kiện phát huy các phẩm chất cá nhân kết hợp cùng các kĩ năng giao tiếp để có thể học và rèn luyện cách phát triển các mối quan hệ trong công việc.

2) *Đối với nhà trường*: - Hoạt động NCKH trong SV là một trong các hoạt động học thuật giúp nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo, giúp tạo ra nguồn nhân lực trình độ cao, tạo ra các sản phẩm mới góp phần đáp ứng các nhu cầu thực tiễn của xã hội.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo, kĩ năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu cho SV, các kĩ năng mềm như kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng quản lí thời gian, kĩ năng tổ chức, kĩ năng thuyết trình... từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường [5].

- Nâng cao uy tín, danh dự của nhà trường. SV tích cực tham gia NCKH đáp ứng các vấn đề thực tiễn là một trong các yếu tố đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhà trường có nhiều công trình NCKH từ giảng viên lẫn SV sẽ tạo nên một thương hiệu sáng giá trong hệ thống giáo dục đại học quốc gia lẫn quốc tế, cụ thể một phần giúp cho cải thiện việc xếp hạng nhà trường dựa trên các chỉ số về nghiên cứu.

B. Thực trạng hoạt động NCKH trong sinh viên tại Trường Đại học Trà Vinh

Trong thời gian qua, hoạt động NCKH trong SV của Nhà trường đạt hiệu quả còn rất thấp. Từ năm 2013 – 2018, toàn Trường chỉ có 48 đề tài NCKH của SV tập trung ở các khoa: Kinh tế – Luật, Nông nghiệp – Thủy sản và Kỹ thuật & Công nghệ [6]. Riêng năm 2018, Nhà trường với

số lượng SV hơn 20.000 chỉ có 10 đề tài NCKH cấp Trường.

Bảng 1: Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH của SV và cán bộ, giảng viên Trường Đại học Trà Vinh từ năm 2013 - 2018

STT	Sinh viên khoa	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1.	Kỹ thuật và Công nghệ	152	28.73
2.	Kinh tế - Luật	236	44.61
3.	Y- Dược	65	12.29
4.	Khoa học Cơ bản	6	1.14
5.	Nông nghiệp – Thủy sản	70	13.23
TỔNG		529	100

Bảng số liệu thống kê đề tài NCKH từ 2013 – 2018 khiến chúng ta cần suy ngẫm về một hoạt động vừa mang đến lợi ích cho nhà trường và lợi ích cho SV trong việc rèn luyện và nâng cao kĩ năng chuyên môn lẫn kĩ mềm.

Để khắc phục được tình trạng này, chúng ta phải thẳng thắn nhìn nhận và đánh giá nguyên nhân sâu xa để cùng đề xuất các giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Theo tác giả, một số nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, chất lượng đầu vào của SV thấp. Trình độ và năng lực SV còn khá hạn chế. SV thiếu các kiến thức về phương pháp NCKH, các kĩ năng chuyên môn và kĩ năng mềm như tìm kiếm, phân tích, tổng hợp và xử lí thông tin. Việc này dẫn đến SV ra trường vẫn còn xa lạ với các vấn đề liên quan đến nghiên cứu, vận hành dự án hay đề tài nghiên cứu trong thực tiễn.

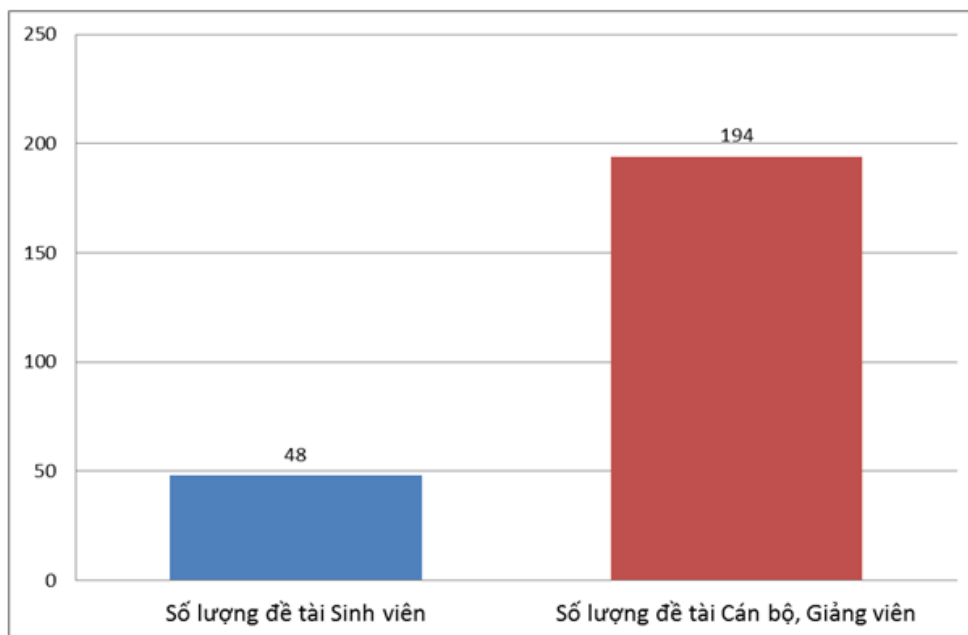
Thứ hai, Nhà trường chưa tạo được phong trào tham gia NCKH và cũng do SV chưa quen với hoạt động này nên cũng e ngại, kèm theo việc không nắm vững quy trình đăng kí và thực hiện đề tài NCKH.

Thứ ba, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu, phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện [7], nhất là trung tâm học liệu phục vụ cho việc tìm kiếm, tập hợp thông tin chưa đáp ứng cho nhu cầu NCKH.

Thứ tư, SV thiếu sự định hướng, hướng dẫn từ Nhà trường, Khoa hay đặc biệt là giảng viên chuyên môn. Cụ thể, sự gắn kết giữa giảng dạy và NCKH còn thấp. Nhiều cán bộ, giảng viên tham gia NCKH với các đề tài không liên quan



Hình 1: Các kỹ năng SV được rèn luyện khi tham gia NCKH
(Nguồn: <https://cte.ed.gov> [3])



Hình 2: Đồ thị thể hiện số lượng đề tài NCKH của SV và cán bộ, giảng viên Trường Đại học Trà Vinh từ năm 2013 – 2018

đến môn học do mình đảm nhiệm nên không thể gắn kết giữa giảng dạy và định hướng NCKH. Do đó, việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu phục vụ giảng dạy và học tập chưa thực sự hiệu quả. Việc này dẫn đến giảng viên không đào sâu được kiến thức chuyên ngành và không thể khơi gợi, tạo động lực hay trực tiếp hỗ trợ cho SV tham gia NCKH ở môn học, lĩnh vực của mình.

Thứ năm, thiếu sự liên kết giữa các chuyên ngành, Khoa, Trường và đặc biệt là doanh nghiệp, công ty (đề xuất nhu cầu và thụ hưởng đề tài NCKH). Chính vì ít có sự liên kết, trao đổi giữa các bên nên nhiều khi hướng nghiên cứu cần sự phối hợp lại không có sự hợp tác dẫn đến việc khó khăn trong đề xuất lẫn triển khai.

C. Một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH tại Trường Đại học Trà Vinh

Trên cơ sở phân tích thực trạng trong thời gian qua, tác giả đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh NCKH trong SV nhằm lồng ghép kỹ năng mềm một cách hiệu quả và phù hợp xu thế giảng dạy hiện đại. Giải pháp xoay quanh ba nhóm đối tượng chính gồm: Nhà trường, Giảng viên và SV.

1) *Đối với Nhà trường*: - Nhà trường cần trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu, phòng thực hành, thí nghiệm... để SV có một không gian nghiên cứu nghiêm túc và tập trung. Đơn cử, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ trang bị một phòng nghiên cứu (Makerplace), cho SV thuộc Khoa thoải mái thực nghiệm. SV được giao quyền sử dụng với thời gian linh động 24/24 giờ. Trong thời gian qua, nơi đây trở thành một không gian học thuật dành cho các nhóm nghiên cứu SV của khoa, giúp các bạn có thể phát triển kỹ năng làm việc độc lập lẫn làm việc nhóm, tăng cường kỹ năng giao tiếp kỹ thuật.

- Bên cạnh đó, quan trọng hơn hết vẫn là xây dựng và phát triển thư viện, trung tâm học liệu [8] để hỗ trợ giảng viên lẫn SV tìm kiếm thông tin phục vụ nghiên cứu, từ đó phát triển kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp và xử lý thông tin, tài liệu. Thư viện cần liên tục bổ sung, phát triển nguồn lực thông tin trong nước và nước ngoài đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH; thu nhận các tài liệu do Nhà trường xuất bản, các công trình nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, kỉ yếu

hội thảo, khóa luận, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của viên chức, giảng viên, SV, học viên; chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy và các dạng tài liệu khác của Nhà trường, các ấn phẩm tài trợ, biếu tặng, tài liệu trao đổi giữa các thư viện.

- Đồng thời, nếu điều kiện cho phép, Nhà trường nên dành riêng một phòng/khu vực trưng bày các sản phẩm, mô hình, kết quả NCKH (đối với các sản phẩm kỹ thuật thì đặt sản phẩm tại phòng trưng bày, các đề tài mang tính lí thuyết thì bổ sung vào thư viện, trung tâm học liệu...) để các bạn SV có thể tham quan, học hỏi, nhất là vực dậy sự hăng hái tham gia NCKH.

- Phòng Khoa học Công nghệ, các Khoa, Bộ môn của Trường Đại học Trà Vinh phối hợp tốt với các đơn vị ngoài trường như sở, ban ngành, công ty, doanh nghiệp... để nắm bắt nhu cầu, định hướng nghiên cứu. Sau đó, Phòng Khoa học Công nghệ nên có vai trò tư vấn hoặc đặt hàng cho các đơn vị Khoa, Bộ môn định hướng NCKH và hỗ trợ trực tiếp cho SV trong quá trình thực hiện đề tài. Bộ môn, giảng viên chuyên ngành cố gắng theo dõi, phát hiện được các SV nổi trội, giúp các bạn phát huy kỹ năng thể mạnh của bản thân như kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng mềm... Bộ môn và giảng viên sẽ định hướng các đề tài cụ thể và giao trực tiếp cho các nhóm SV có thể mạnh về chuyên môn liên quan để triển khai thực hiện.

- Có cơ chế, biện pháp phối hợp, trao đổi nghiên cứu giữa các bộ môn, khoa trong và ngoài trường nhằm giúp cho việc triển khai các đề tài cần sự liên kết giữa nhiều chuyên ngành được dễ dàng triển khai hơn (ví dụ như giữa Điện, Điện tử và Cơ khí, Giữa Công nghệ Thông tin và Điện tử...).

- Không dừng lại ở việc phối hợp trong nước, Nhà trường nên mở rộng tạo điều kiện cho SV trường hợp tác nghiên cứu với SV các trường quốc tế để tăng kỹ năng ngoại ngữ, giao tiếp và chuyên môn. Như ở Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, năm 2017, các nhóm SV được tạo điều kiện kết nối với SV trường Đại học Vancouver Island (Canada) để cùng hoàn thành đề tài nghiên cứu mô hình Cầu xoay. Kết quả, 4 nhóm nghiên cứu (bao gồm 2-3 SV của mỗi trường) đã hoàn thành

4 mô hình cầu xoay. Sau các hoạt động này, SV có sự chuyển biến rõ về nhận thức nghiên cứu khoa học cũng như cải thiện kĩ năng chuyên môn lẫn kĩ năng Tiếng Anh.

- Song song, Nhà trường từng bước nâng cao nhận thức của SV về vai trò và tác dụng của hoạt động NCKH, khơi gợi được phong trào NCKH trong SV, đặc biệt là đối với SV năm thứ hai.

- Việc thứ nhất, tổ chức giảng dạy học phần Phương pháp NCKH cho SV ngay từ năm nhất. Trong đó, đánh giá cuối môn nên là một đề tài nghiên cứu nhỏ cho từng nhóm SV thực hiện. Điều này sẽ giúp SV rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm, tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tư duy khoa học và kiến thức cơ sở ngành vững chắc.

- Việc thứ hai, khẳng định được tầm quan trọng của hoạt động NCKH và hướng dẫn SV cách tham gia NCKH bằng cách tổ chức các hội thảo, hội nghị, các hình thức trao đổi kiến thức, kinh nghiệm NCKH với các nội dung: hướng dẫn quy trình NCKH, định hướng NCKH theo từng giai đoạn của từng chuyên ngành cụ thể, cách triển khai, quản lí đề tài, dự án... Đồng thời, Nhà trường cũng nên tạo điều kiện cho SV có nhiều cơ hội tiếp xúc, tham gia những hoạt động nghiên cứu, các hội thảo ở các trường, địa phương trong nước và các nước có nền khoa học và giáo dục phát triển.

- Việc thứ ba, Nhà trường cần thường xuyên xây dựng và tổ chức những "sân chơi" đào sâu kiến thức chuyên môn cho SV các chuyên ngành, các cuộc thi phong phú, đa dạng như: Robocon, Olympic Cơ học, Olympic Tin học, Sáng tạo Kỹ thuật... .

- Việc thứ tư, tạo điều kiện cho SV trau dồi năng lực NCKH. Nhà trường nên khuyến khích giảng viên đánh giá môn học bằng cách cho SV thực hiện đồ án môn học, khi kết thúc các năm học nên có các niên luận, đồ án cơ sở ngành, đồ án chuyên ngành... . Đồng thời, nên có những quy định nới rộng hơn điều kiện thực hiện đồ án, luận văn tốt nghiệp để SV có điều kiện nghiên cứu. Đặc biệt là nội dung, yêu cầu của các đồ án môn học, niên luận và luận văn, đồ án tốt nghiệp đều phải gắn kết với nhu cầu thực tiễn của xã hội để có thể phát triển thành một đề tài

NCKH.

- Tiếp tục duy trì chế độ khen thưởng và khen thưởng kịp thời đối với SV, nhóm SV có thành tích NCKH, từ đó giúp SV bổ sung thành tích vào hồ sơ năng lực điện tử.

2) *Đối với Giảng viên:* - Giảng viên đóng vai trò quyết định sự thành công hay thất bại của SV trong NCKH. Đặc biệt, người dạy sẽ có vai trò cực kì quan trọng trong việc định hướng nghiên cứu, gợi ý đề tài và hướng dẫn cho SV. Việc này có thể được giảng viên truyền tải trực tiếp đến SV thông qua các giờ giảng trên lớp, các hội thảo hoặc hội thi chuyên ngành.

- Đối với Trường Đại học Trà Vinh, SV còn rất lạ lẫm với NCKH. Bảng 1 cho thấy số lượng đề tài do giảng viên chủ nhiệm chiếm tỉ lệ nhiều hơn hẳn so với SV. Vậy, giải pháp đề xuất nhằm mang đến sự dẫn dắt ban đầu cho SV là cán bộ, giảng viên chủ động gắn hoạt động nghiên cứu của SV vào các công trình nghiên cứu của mình. SV sẽ thực hiện các công đoạn nghiên cứu từ đơn giản đến phức tạp (tùy theo trình độ, khả năng NCKH) dưới sự phân công, quản lí của người thầy. Như vậy, SV sẽ được tiếp cận dần và có thể trực tiếp thực hiện những nghiên cứu từ những công việc đơn giản như hình thành ý tưởng, thu thập, xử lí số liệu cho đến phân tích, thiết kế, vận hành... . Từ đó, SV sẽ nhận được những kết quả từ mức độ cơ bản như tiếp thu nguồn kiến thức chuyên môn, rèn luyện kĩ năng chuyên môn, kĩ năng mềm cho đến mức độ chuyên sâu như kĩ năng NCKH.

3) *Đối với sinh viên:* - Nhận thức rõ NCKH là một trong những nhiệm vụ chính của quá trình học đại học và là nền tảng cho công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp ra trường.

- Ngoài việc tiếp thu, nắm vững kiến thức chuyên môn, thực hiện đồ án môn học, niên luận, luận văn, đồ án tốt nghiệp trong chương trình chính khóa, SV cũng nên tích cực, mạnh dạn tham gia các dự án nghiên cứu, các hội thảo, hội thi chuyên ngành... . nhằm từng bước tiếp cận hoạt động NCKH. Sẵn sàng tham gia từng hoạt động nghiên cứu nhỏ để dần tiếp cận những hoạt động quy mô lớn hơn.

- NCKH là một hoạt động không dễ dàng, đòi hỏi phải đầu tư nhiều công sức, tâm huyết

nhưng có thể thành công hoặc thất bại. Do đó, nếu chưa thành công, SV cũng không nên nản lòng mà cần xem đó là cơ hội nâng cao kiến thức chuyên ngành, kỹ năng mềm và sự thích ứng đối với công việc thực tiễn. Từ thất bại, SV cần phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan, rút ra giải pháp và kinh nghiệm để bắt đầu lại một cách vững vàng hơn.

III. KẾT LUẬN

Thực tế xã hội cho thấy các công ty, doanh nghiệp yêu cầu đối với SV ra trường phải đáp ứng ngay về kỹ năng chuyên môn lẫn kỹ năng nghiên cứu, thích ứng công việc và kỹ năng mềm. Vì vậy, nhà trường từng bước giúp SV có điều kiện rèn luyện được những kỹ năng cần thiết để khi tốt nghiệp ra trường có thể đáp ứng ngay yêu cầu của người sử dụng lao động nói riêng và đáp ứng yêu cầu xã hội nói chung. Trên cơ sở phân tích tầm quan trọng của việc nghiên cứu khoa học trong SV và thực trạng tại Trường Đại học Trà Vinh, tác giả đã đề xuất những giải pháp nâng cao NCKH trong SV để phát triển kỹ năng nghề nghiệp và lồng ghép rèn luyện kỹ năng mềm một cách hiệu quả, phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngân hàng Thế giới. *Báo cáo phát triển Việt Nam - Phát triển kỹ năng: xây dựng lực lượng lao động cho một nền kinh tế thị trường hiện đại ở Việt Nam*. 2014.
- [2] Lê Đức Ngọc. *Giáo dục Đại học – phương pháp dạy và học*. Nhà Xuất bản ĐHQG Hà Nội. 2005.
- [3] Vũ Cao Đàm. *Phương pháp luận Nghiên cứu Khoa học*. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. 1999.
- [4] United States, Department of Education, Office of Career, Technical, and Adult Education Division of Academic and Technical Education. *Employability Skills*. Available from <https://cte.ed.gov/initiatives/employability-skills-framework> [Accessed 19th June 2019].
- [5] Nguyễn Lăng Bình, Đỗ Hương Trà, Nguyễn Phương Hồng, Cao Thị Thặng. *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm. 2010.
- [6] Phòng Khoa học Công nghệ, Trường Đại học Trà Vinh. *Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học 2013 – 2018*. 2018.
- [7] Đinh Phước Tường. Thực trạng và một số giải pháp quản lý giúp cải thiện kỹ năng mềm cho SV các trường đại học khu vực đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Giáo dục*. 2014.
- [8] Hairuzila. *Challenges in the integration of soft skills in teaching technical courses: Lecturers' perspectives Asian Journal of University Education*. 2009;5(2): 67-8.